

DAY HỌC TÍCH HỢP TRONG MÔN NGỮ VĂN: KHẢO SÁT MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngô Lê Hồng Như,
Nguyễn Thị Ngọc Thuý⁺

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
+Tác giả liên hệ • Email: thuyntn@hcmue.edu.vn

Article history

Received: 19/01/2025

Accepted: 31/3/2025

Published: 20/5/2025

Keywords

Integrated teaching, current situation of integrated teaching in Literature, high schools, Ho Chi Minh City

ABSTRACT

The 2018 General Education Curriculum emphasizes an integrated teaching approach to promote student engagement and fulfil the demands of educational reform. In reality, the implementation of integrated teaching in the subject of Literature at high schools is still ongoing, with both advantages and challenges. This article investigates the current situation of integrated teaching in Literature at several high schools in Ho Chi Minh City, Vietnam. The results show that integrated teaching in Literature has gained considerable attention from teachers and has been implemented at a basic level. However, the extent of implementation varies across different areas and types of schools. Teachers are well aware of the importance of integrated teaching and have identified several advantages, such as flexibility in instruction, as well as challenges including the lack of instructional materials and limited interdisciplinary collaboration. The findings provide practical data to support the adjustment and improvement of integrated teaching methods in Literature. At the same time, the study suggests directions for future research to propose solutions that enhance the effectiveness of implementation in accordance with the goals of educational reform.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018 nói chung và CTGDPT môn Ngữ văn nói riêng của Việt Nam đã chuyển từ định hướng dạy học nội dung sang định hướng dạy học phát triển phẩm chất và năng lực (NL) cho HS. Dạy học tích hợp (DHTH) là một định hướng dạy học tiên bộ, có thể đáp ứng tốt mục tiêu này (Đỗ Thị Trinh và cộng sự, 2023) và đang được thực hiện linh hoạt tại Việt Nam. Trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông, DHTH đã được triển khai ở nhiều mức độ khác nhau. Do đó, việc khảo sát thực tế GV Ngữ văn đang triển khai định hướng dạy học này là cần thiết nhằm đánh giá thuận lợi và khó khăn của GV khi thực hiện DHTH. Bài báo này tìm hiểu thực trạng DHTH trong môn Ngữ văn ở một số trường THPT tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để những nghiên cứu tiếp theo đề xuất các giải pháp phát huy những thành quả đạt được và khắc phục những hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả DHTH trong môn Ngữ văn, đáp ứng mục tiêu của CTGDPT môn Ngữ văn 2018.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Dạy học tích hợp

2.1.1. Định nghĩa

Theo Từ điển Giáo dục học, “tích hợp” được hiểu là “hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch dạy học” (Nguyễn Văn Giao và cộng sự, 2001). CTGDPT 2018 xác định DHTH “là định hướng dạy học giúp HS phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống, được thực hiện ngay trong quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng” (Bộ GD-ĐT, 2018). Từ các định nghĩa trước, chúng tôi nhận thấy DHTH là một định hướng dạy học tích cực, được tổ chức dạy học dựa trên các bài học/chủ đề mang tính thống nhất bởi sự liên kết chặt chẽ, khoa học giữa các nội dung dạy học thuộc một hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau. Các chủ đề tích hợp mang tính thực tiễn cao, tạo cơ hội cho HS giải quyết vấn đề gắn với các tình huống thực tế trong cuộc sống.

2.1.2. Mức độ tích hợp

DHTH có thể được thực hiện với nhiều mức độ khác nhau, dựa trên cách thức tổ chức nội dung dạy học thành các chủ đề tích hợp đảm bảo tính thống nhất, khoa học và thực tiễn. Theo Drake và Reid (2018), định hướng DHTH

có thể triển khai qua 4 mức độ tăng dần: *Kết hợp/Lồng ghép* (Fusion), *Đa môn* (Multidisciplinary), *Liên môn* (Interdisciplinary) và *Xuyên môn* (Transdisciplinary). Tuy nhiên, cách phân chia 4 mức độ nêu trên được thực hiện dựa trên việc xem xét mối quan hệ giữa các môn học với nhau mà chưa đề cập đến việc tích hợp các kỹ năng, nội dung của một môn học. Ngô Minh Oanh (2016a) đề xuất thêm mức độ tích hợp *Nội môn* (Intradisciplinary), nghĩa là tích hợp các kỹ năng, nội dung riêng rẽ trong một môn thành một chủ đề chung để hình thành và phát triển NL đặc thù của môn học đó. Trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đang bắt đầu quan tâm đến định hướng DHTH, mức độ *Nội môn* được đánh giá cao vì dễ dàng thực hiện và phù hợp với NL của GV hiện nay.

2.1.3. Quy trình thiết kế

Khi thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn, GV cần thiết kế được chủ đề tích hợp - một đơn vị bài học kết hợp nhiều kỹ năng, nội dung từ một hoặc một vài môn học khác nhau. Dựa trên các nghiên cứu của Đỗ Hương Trà và cộng sự (2015), chủ đề tích hợp thường được thiết kế theo quy trình khái quát gồm các bước như sau: (1) *Xác định mục tiêu*: Dựa trên yêu cầu cần đạt của môn/các môn, GV trao đổi để tạo ra hệ thống mục tiêu thống nhất, chặt chẽ, có tính tính gọn và liên kết giữa yêu cầu cần đạt của các phân/môn học với nhau nhằm giảm áp lực học tập cho HS; (2) *Lựa chọn nội dung dạy học*: Từ mục tiêu dạy học, GV xác định nội dung, hoạt động và mức độ DHTH. Các phương diện này cần đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, phù hợp với NL của HS và điều kiện dạy học thực tế; (3) *Thiết kế các hoạt động học và phương án kiểm tra, đánh giá tương ứng*: Ở giai đoạn này, GV lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học; xác định thời gian, trình tự tổ chức các hoạt động học tập, phương án kiểm tra, đánh giá HS sau khi kết thúc chủ đề; biên soạn hệ thống học liệu phù hợp với mức độ tích hợp và mục tiêu chủ đề. Vì sản phẩm học tập của HS có thể là các sản phẩm tích hợp nên GV cần xác định việc phân chia trọng số phù hợp giữa các nội dung ở một/nhiều môn học trong chủ đề, xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể cho từng nội dung ở một/nhiều môn học,...

(4) *Trao đổi, chỉnh sửa và hoàn thiện*: GV rà soát, điều chỉnh trước khi hoàn thiện chủ đề tích hợp.

2.1.4. Tổ chức dạy học

Việc tổ chức dạy học theo định hướng DHTH trong môn Ngữ văn cần “lấy người học làm trung tâm”, HS là chủ thể của hoạt động học tập. Một trong những yếu tố làm nên sự thành công của DHTH là sự hứng thú và chủ động của HS. Theo đó, GV cần xác định rõ nội dung học tập, tạo động lực và điều kiện để HS vận dụng kiến thức, kỹ năng liên môn vào thực tế. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các GV trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, thống nhất thời lượng, trình tự và phương tiện dạy học,... là yếu tố quan trọng. Do đó, việc vận dụng DHTH đòi hỏi NL sự phạm và sự linh hoạt của GV để thích nghi với từng điều kiện trong thực tiễn.

2.2. Thực trạng dạy học tích hợp trong môn Ngữ văn ở một số trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Khái quát khảo sát

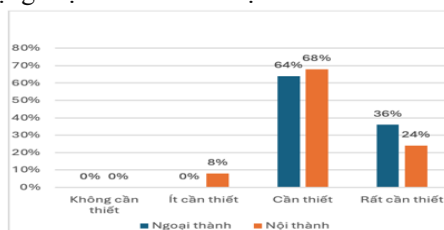
Việc xây dựng câu hỏi khảo sát dựa trên các cơ sở lý luận về DHTH, bao gồm định nghĩa, mức độ tích hợp, quy trình thiết kế và tổ chức dạy học, cũng như khả năng thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn, nhằm đảm bảo tính khoa học và phù hợp. Nội dung khảo sát tập trung vào thực trạng DHTH trong môn Ngữ văn tại một số trường THPT ở TP. Hồ Chí Minh. Đối tượng khảo sát là GV Ngữ văn cấp THPT tại TP. Hồ Chí Minh, thực hiện qua Google Forms. Quá trình khảo sát gồm 02 giai đoạn: khảo sát thử nghiệm từ ngày 18/9/2024 đến 20/9/2024, sau đó chỉnh sửa và bổ sung phiếu khảo sát từ ngày 21/9/2024 đến 22/9/2024. Khảo sát chính thức diễn ra từ ngày 23/9/2024 đến 27/10/2024. Kết quả thu thập được 61/67 phiếu hợp lệ, phân theo khu vực và loại hình trường học. Cụ thể, có 11 phiếu từ khu vực ngoại thành và 50 phiếu từ nội thành; trong đó, 47 phiếu thuộc trường công lập, 6 phiếu từ trường tư thục và 8 phiếu từ trường quốc tế.

2.2.2. Kết quả khảo sát

- *Nhận thức của GV về mức độ cần thiết của việc DHTH đối với môn Ngữ văn*

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn GV tại TP. Hồ Chí Minh đánh giá cao sự cần thiết của việc DHTH trong môn Ngữ văn (67% GV chọn mức “cần thiết”; 26% GV chọn mức “Rất cần thiết”). Đó là một thực trạng tích cực trong nhận thức của GV về định hướng dạy học này, thể hiện được tâm thế đổi mới của họ trong bối cảnh giáo dục hiện nay ở nước ta. Tuy nhiên, vẫn còn 7% GV cho rằng DHTH trong môn Ngữ văn là “ít cần thiết”, nghĩa là vẫn còn một bộ phận nhỏ GV chưa nhận thức rõ hoặc không hoàn toàn đồng ý với những hiệu quả của định hướng dạy học này trong môn Ngữ văn. DHTH là một định hướng dạy học được nêu ra trong quan điểm xây dựng CTGDPT 2018 để bảo đảm phát triển phẩm chất, NL cho người học; do đó, việc một số GV chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của DHTH cho thấy cần có những giải pháp để nâng cao hiểu biết và NL thực hiện dạy học theo định hướng này.

Chúng tôi tiến hành so sánh các đối tượng dựa trên 2 phương diện (khu vực và loại trường) để hiểu rõ hơn về thực trạng nhận thức của GV tại TP. Hồ Chí Minh.



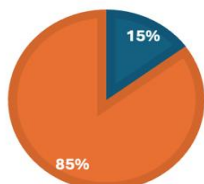
Hình 1. Biểu đồ so sánh nhận thức của GV ở khu vực ngoại thành và nội thành về mức độ cần thiết của việc DHTH đối với môn Ngữ văn

Quan sát biểu đồ (hình 1), có thể thấy tỉ lệ GV ngoại thành và nội thành chọn mức “Cần thiết” với việc thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn là tương đương nhau. Đáng chú ý, tỉ lệ GV nội thành lựa chọn mức “Ít cần thiết” cao hơn khu vực ngoại thành và họ cũng lựa chọn mức “Rất cần thiết” thấp hơn GV ngoại thành 12%. Kết quả này cho thấy dù khu vực nội thành có nhiều điều kiện tổ chức dạy học thuận lợi hơn song một bộ phận nhỏ GV ở đây chưa đánh giá cao định hướng DHTH. Ngược lại, GV ngoại thành có xu hướng đánh giá cao định hướng dạy học này.

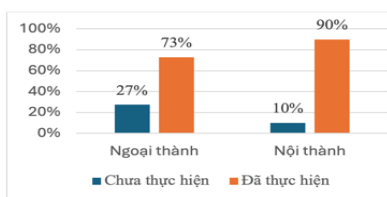
Còn về phương diện loại trường, nhóm trường công lập tại TP. Hồ Chí Minh có GV lựa chọn ở cả 3 mức độ từ “Ít cần thiết” đến “Rất cần thiết”; GV nhóm trường tư thục chỉ lựa chọn một mức độ “Cần thiết”; GV nhóm trường quốc tế lựa chọn 2 mức độ từ “Cần thiết” đến “Rất cần thiết”. Quan sát biểu đồ (hình 2), có thể thấy tỉ lệ GV ở các trường quốc tế đánh giá rất cao định hướng DHTH, trường tư thục cũng có đánh giá tích cực về DHTH, trường công lập cũng có những đánh giá tương tự bên cạnh một tỉ lệ nhỏ GV cho rằng DHTH là ít cần thiết. Điều này có thể được giải thích bởi các yếu tố đến từ sự khác biệt trong chương trình dạy học; điều kiện dạy học (thời gian, cơ sở vật chất,...); đối tượng HS;... Qua đó, có thể thấy các điều kiện thực tiễn của từng loại trường cũng có sự tác động nhất định đến nhận thức của GV về mức độ cần thiết của DHTH.

- Việc thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh

■ Chưa thực hiện
■ Đã thực hiện

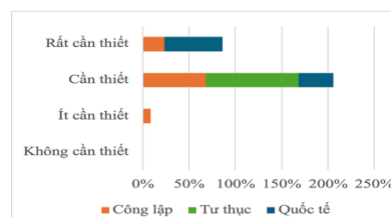


Hình 3. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn của GV ở TP. Hồ Chí Minh



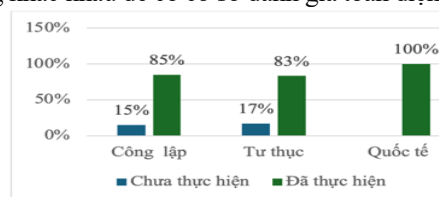
Hình 4. Biểu đồ so sánh tỉ lệ thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn ở khu vực ngoại thành và nội thành

Biểu đồ hình 4 cho thấy khu vực nội thành đã triển khai DHTH trong môn Ngữ văn nhiều hơn khu vực ngoại thành. Như vậy, tỉ lệ thực hiện DHTH ở khu vực ngoại thành thấp hơn so với nội thành mặc dù GV ngoại thành đánh giá cao về sự cần thiết của việc DHTH. Điều này có thể được lí giải dựa trên các phản hồi cụ thể của GV, chẳng hạn như: hạn chế về cơ sở vật chất, thời gian dạy học, NL của HS hoặc do GV chưa rõ cách thức thiết kế, tổ chức và kiểm tra, đánh giá trong DHTH,... Bên cạnh đó, các yếu tố về kinh phí tổ chức, hứng thú học tập của HS hoặc động



Hình 2. Biểu đồ so sánh nhận thức của GV ở các loại hình trường công lập, tư thục, quốc tế về mức độ cần thiết của việc DHTH đối với môn Ngữ văn

Biểu đồ hình 3 cho thấy hầu hết GV ở TP. Hồ Chí Minh đã thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn (85%). Khi phân tích số liệu cụ thể, chúng tôi bước đầu xác định được một số lí do nhất định khiến GV chưa lựa chọn DHTH trong môn Ngữ văn, chẳng hạn như: *kinh nghiệm của GV ít* (dưới 1 năm), *hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất, thời gian hoặc GV chưa rõ về DHTH để thực hiện*. Nhìn một cách khách quan, các yếu tố trên đều có thể được khắc phục để việc DHTH được thực hiện đồng bộ trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Tiếp đến, chúng tôi tiến hành so sánh thực tế triển khai DHTH của GV Ngữ văn thuộc các nhóm trường khác nhau để có cơ sở đánh giá toàn diện hơn.



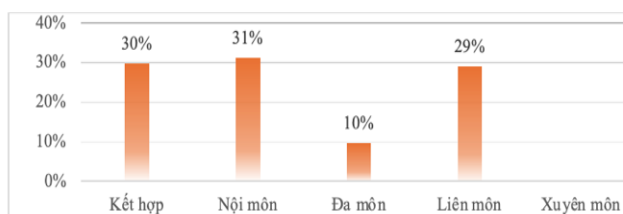
Hình 5. Biểu đồ so sánh tỉ lệ thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn ở các loại hình trường công lập, tư thục, quốc tế

lực thay đổi phương pháp của GV cũng có thể ảnh hưởng đến tỉ lệ thực hiện DHTH ở ngoại thành. Do vậy, cần có những hỗ trợ cụ thể và phù hợp cho GV ngoại thành để họ có thể thực hiện hiệu quả định hướng dạy học này.

Biểu đồ hình 5 cho thấy sự chênh lệch nhất định về tỉ lệ thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn ở các loại hình trường học khác nhau trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, lần lượt được xếp theo thứ tự từ cao đến thấp là trường quốc tế, trường công lập và cuối cùng là trường tư thục. Loại hình trường công lập và tư thục có tỉ lệ phần trăm thực hiện tương đương nhau và đều có cách biệt tương đối rõ so với tỉ lệ của loại hình trường quốc tế. Qua đó, cho thấy định hướng DHTH được chú trọng thực hiện triệt để ở loại hình trường quốc tế. Điều này xuất phát từ định hướng giáo dục của nhà trường; yêu cầu của mục tiêu dạy học, chương trình dạy học; các thuận lợi về điều kiện dạy học (*thời gian, cơ sở vật chất, kinh phí thực hiện, ...*). Ngược lại, các trường công lập và tư thục chưa triển khai được toàn diện bởi các đặc điểm khách quan (*nội dung, thời gian dạy học; nguồn lực GV; đối tượng HS; ...*) của 2 loại trường này. Tuy vậy, tỉ lệ thực hiện DHTH ở 2 loại trường đều trên 80% đã cho thấy sự tác động đáng kể từ việc đổi mới CTGDPT môn Ngữ văn 2018, công tác đào tạo GV và sự cải thiện về điều kiện dạy học đến việc tổ chức, thực hiện DHTH.

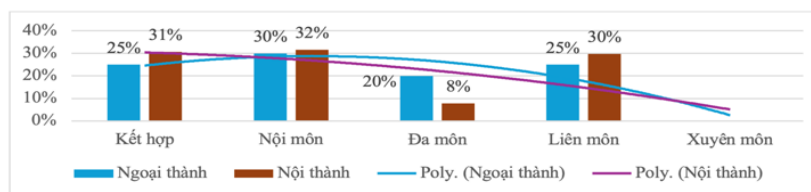
- Các mức độ tích hợp được thực hiện trong dạy học môn Ngữ văn

Quan sát biểu đồ hình 6, chúng tôi nhận thấy có sự chênh lệch giữa các mức độ tích hợp được thực hiện trong môn Ngữ văn. Mức độ *nội môn* chiếm tỉ lệ lớn nhất nhưng không cách biệt nhiều so với 2 mức độ *kết hợp* và *liên môn*. *Xuyên môn* là mức độ tích hợp cao nhất, đòi hỏi sự tham gia phối hợp của nhiều bên liên quan, do đó tỉ lệ của mức độ này thể hiện như trên biểu đồ là điều hợp lí (0%). Tổng tỉ lệ của 2 mức độ tích hợp cơ bản (*kết hợp* và *nội môn*) là 61%, chiếm hơn 50%; tổng của 2 mức độ phức tạp hơn (*đa môn* và *liên môn*) là 40%. Điều này cho thấy GV đang ưu tiên triển khai DHTH ở các mức độ đơn giản, dễ thực hiện và liên quan chặt chẽ với nội dung dạy học môn Ngữ văn. Mặt khác, GV đã bắt đầu chú trọng thực hiện tích hợp Ngữ văn với các môn học khác.



Hình 6. Biểu đồ thể hiện việc thực hiện các mức độ tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn

Biểu đồ 7 cho thấy ở cả khu vực ngoại thành và nội thành, mức độ tích hợp *nội môn* chiếm tỉ lệ cao nhất; mức độ *kết hợp* chiếm vị trí thứ hai; mức độ *liên môn* chiếm vị trí thứ ba; mức độ *đa môn* chiếm vị trí thứ tư và mức độ *xuyên môn* chiếm tỉ lệ 0%. Như vậy, tỉ lệ thực hiện các mức độ tích hợp xếp theo từ cao



Hình 7. Biểu đồ so sánh việc thực hiện các mức độ tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn ở khu vực ngoại thành và nội thành

đến thấp là như nhau ở cả 2 khu vực và tương đồng với số liệu tổng quát của cả TP. Hồ Chí Minh (hình 6). Đáng chú ý, khu vực ngoại thành có tổng tỉ lệ của 2 mức độ *đa môn* và *liên môn* là 45%, nội thành là 38% trong khi số liệu của toàn TP. Hồ Chí Minh là 39%. Các con số này cho thấy GV ngoại thành có xu hướng thực hiện DHTH môn Ngữ văn với các môn học khác cao hơn GV nội thành. Tỉ lệ thực hiện các mức độ trong DHTH môn Ngữ văn tuy có sự chênh lệch nhỏ giữa 2 khu vực song đều thể hiện xu hướng DHTH hiện đang ở các mức độ tích hợp cơ bản. Điều này có ý nghĩa rằng việc DHTH trong môn Ngữ văn ở khu vực ngoại thành đã có những dấu hiệu tích cực, tạo nền tảng để việc nâng cao mức độ tích hợp trong dạy học Ngữ văn được triển khai dễ dàng hơn, tiến đến đạt hiệu quả đồng bộ trên toàn địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

Tỉ lệ thực hiện các mức độ tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn có sự khác nhau giữa các loại trường ở địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Đối với loại hình trường công lập, xu hướng tích hợp tập trung vào 2 mức độ cơ bản là *kết hợp* và *nội môn* với tổng số 62%. Như vậy, loại hình trường công lập ở TP. Hồ Chí Minh hiện đang chú trọng thực hiện 2 mức độ tích hợp cơ bản, phù hợp với bối cảnh bước đầu thực hiện triển khai DHTH trong môn Ngữ văn theo yêu cầu của CTGDPT môn Ngữ văn 2018. Loại hình trường quốc tế có phần giống với loại hình trường công lập khi họ cũng đang thực hiện DHTH ở các mức độ cơ bản nhiều hơn so với các mức độ phức tạp. Đối với loại hình trường tư

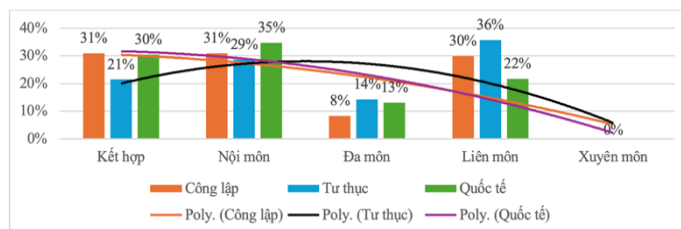
thực, việc thực hiện DHTH được phân bố đồng đều khi tổng số của mức độ *kết hợp* và *nội môn*, mức độ *đa môn* và *liên môn* đều là 50%. Như vậy, các trường tư thục vừa chú trọng triển khai các mức độ tích hợp cơ bản vừa thực hiện tích hợp môn Ngữ văn với các môn học khác để tăng khả năng HS vận dụng tri thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết những vấn đề học tập mang tính thực tiễn cao. Một cuộc khảo sát quy mô lớn tại khu vực Nam Bộ về NL DHTH của GV vào năm 2016 đã chỉ ra rằng “GV còn lúng túng trong việc phân biệt các quan điểm và cách thức DHTH “đa môn”, “liên môn”, “xuyên môn” (Ngô Minh Oanh, 2016b). So với kết quả này, khảo sát của chúng tôi cho thấy thực trạng DHTH trong môn Ngữ văn tại TP. Hồ Chí Minh đã có những chuyển biến tích cực, thể hiện ở sự cải thiện trong nhận thức của GV và thực tiễn triển khai. Cụ thể, việc DHTH trong môn Ngữ văn ở TP. Hồ Chí Minh đang phổ biến ở các mức độ tích hợp cơ bản và bắt đầu có xu hướng chuyển sang thực hiện các mức độ phức tạp. Tuy nhiên, sự khác biệt về mức độ DHTH giữa các khu vực, các loại trường đã phản ánh phần nào việc triển khai chưa đồng đều trên địa bàn.

- Những thuận lợi và khó khăn của GV khi thực hiện DHHT trong môn Ngữ văn

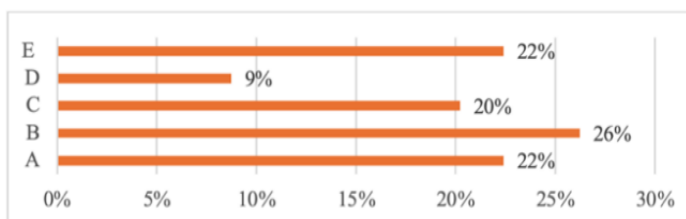
Để tìm hiểu về những thuận lợi của GV trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh khi thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn, chúng tôi đưa ra 5 yếu tố: (A) *Các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe có nhiều tiềm năng DHHT*; (B) *Nội dung dạy học của môn Ngữ văn liên quan đến nhiều lĩnh vực: lịch sử, địa lí, văn hoá, xã hội,...*; (C) *GV có cơ hội vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, hiệu quả*; (D) *Tiết kiệm được thời gian, không bị trùng lặp nội dung dạy học*; (E) *Việc DHHT khơi gợi được hứng thú học tập cho người học*. Từ đó, thu được kết quả như bên dưới:

Yếu tố (B) liên quan đến nội dung dạy học môn Ngữ văn được chọn nhiều nhất, tiếp theo là yếu tố (A) và (E) liên quan đến các kỹ năng của môn học và HS, sau đó là yếu tố (C), còn yếu tố (D) được GV lựa chọn ít nhất. Kết quả này cho thấy GV đã có sự quan tâm đến khả năng và hiệu quả của DHHT trong môn Ngữ văn, đây cũng là động lực để GV thực hiện định hướng dạy học này. Đáng chú ý, tỉ lệ GV lựa chọn các yếu tố thuận lợi này là chưa cao (đều dưới 30%). Tỉ lệ GV chọn yếu tố (D) là thấp nhất, chứng tỏ họ chưa đồng ý cao với quan điểm cho rằng DHHT giúp tiết kiệm được thời gian mặc dù về mặt lý thuyết, DHHT có mang lại hiệu quả về thời gian dạy học. Điều này cho thấy việc GV đang thực hiện DHHT với quỹ thời gian bao nhiêu, như thế nào trong môn Ngữ văn là vấn đề cần được quan tâm. Ngoài ra, các yếu tố còn lại dao động từ 20% - 26%, phản ánh rằng chúng đều có ý nghĩa thuận lợi tương đương nhau khi GV thực hiện DHHT. Tuy nhiên, các yếu tố này chưa nhận được sự lựa chọn cao từ GV. Qua đây, có thể thấy GV chưa khai thác triệt để các tiềm năng của DHHT trong môn Ngữ văn (thể hiện qua việc lựa chọn các yếu tố (A), (B)) và vận dụng phù hợp, hiệu quả DHHT (thể hiện qua sự lựa chọn các yếu tố (C), (D), (E)). Hơn nữa, các GV cũng chưa chỉ ra thêm trong phiếu trả lời những yếu tố thuận lợi khác có liên quan đến thiết bị, phương tiện dạy học, ... dù đó vốn là những yếu tố thuộc về điều kiện dạy học. Từ đó, cho thấy GV chưa đánh giá cao các điều kiện khách quan để thực hiện DHHT trong môn Ngữ văn.

Để tìm hiểu về những khó khăn của GV khi triển khai DHHT trong môn Ngữ văn, chúng tôi đưa ra 8 yếu tố dựa trên quy trình thiết kế chủ đề tích hợp trong môn Ngữ văn đã được xác định. Cụ thể, YT1: *Việc lựa chọn YCCĐ của các môn học sao cho phù hợp để DHHT*; YT2: *Việc xác định mục tiêu của chủ đề DHHT bảo đảm thực hiện mục tiêu của các môn học*; YT3: *Việc lựa chọn nội dung DHHT*; YT4: *Việc lựa chọn hoạt động tích hợp, mức độ tích hợp*; YT5: *Việc xây dựng kế hoạch bài dạy tích hợp*; YT6: *Việc chuẩn bị các thiết bị, phương tiện dạy học*; YT7: *Việc tổ chức dạy học*; YT8: *Việc thực hiện kiểm tra, đánh giá HS*. Các yếu tố được GV đánh giá dựa trên 4 mức độ khó khăn: MĐ1: Không khó khăn; MĐ2: Ít khó khăn; MĐ3: Khó khăn; MĐ4: Rất khó khăn.



Hình 8. Biểu đồ so sánh việc thực hiện các mức độ tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn ở các loại hình trường công lập, tư thục, quốc tế



Hình 9. Biểu đồ thể hiện sự lựa chọn của GV về những thuận lợi khi thực hiện DHHT trong môn Ngữ văn

Bảng 1. Thống kê số lượng đánh giá mức độ khó khăn của GV khi thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn

Yếu tố	Mức độ khó khăn			
	MD1: Không khó khăn	MD2: Ít khó khăn	MD3: Khó khăn	MD4: Rất khó khăn
YT1	5	28	20	0
YT2	5	28	20	0
YT3	12	27	14	0
YT4	7	23	21	2
YT5	5	22	20	6
YT6	9	31	10	3
YT7	4	32	17	0
YT8	9	23	17	4
Tổng	56	214	139	15

Bảng 2. Mô tả tổng quan số lượng đánh giá mức độ khó khăn của GV khi thực hiện DHTH trong môn Ngữ văn

Yếu tố	Mức độ khó khăn			
	MD1: Không khó khăn	MD2: Ít khó khăn	MD3: Khó khăn	MD4: Rất khó khăn
YT1 - YT8	13%	50%	33%	4%

Từ kết quả thống kê của bảng 1, chúng tôi nhận thấy đa số GV đều gặp khó khăn với các bước trong quy trình thiết kế chủ đề tích hợp trong môn Ngữ văn tuy mức độ khó khăn không giống nhau. Đáng chú ý, YT5 có tổng 2 MD3 và MD4 cao nhất với 26 lựa chọn của GV. Qua đó, có thể thấy việc xây dựng một kế hoạch bài dạy tích hợp là điều không dễ dàng đối với GV. Ngược lại, việc lựa chọn nội dung DHTH (YT3) là điều dễ dàng đối với họ khi có số lượng GV lựa chọn MD1 cao nhất (12 GV). Ngoài ra, hơn 50% GV ở TP. Hồ Chí Minh đánh giá là “Ít khó khăn” khi DHTH trong môn Ngữ văn. Đây là một dấu hiệu tích cực cho thấy khả năng thực hiện DHTH của GV Ngữ văn ở địa phương này. Tuy nhiên, tổng số 2 mức độ “Khó khăn” và “Rất khó khăn” chiếm 39%, do vậy vẫn còn có một bộ phận GV cần được hỗ trợ để thực hiện DHTH.

3. Kết luận

Thực trạng DHTH trong môn Ngữ văn tại một số trường THPT ở TP. Hồ Chí Minh được khảo sát dựa trên nhận thức của GV, mức độ triển khai, các thuận lợi và khó khăn trong thực tiễn. Kết quả cho thấy, GV có nhận thức đúng và khả năng thực hiện DHTH ở mức tương đối cao, tuy nhiên mức độ tích hợp chủ yếu dừng ở cơ bản và mới bắt đầu tiếp cận những hình thức phức tạp hơn. Sự khác biệt giữa các nhóm trường (nội thành - ngoại thành; công lập - tư thục - quốc tế) dẫn đến sự chênh lệch trong quá trình triển khai DHTH là một hạn chế cần được tiếp tục nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cung cấp dữ liệu thực tiễn khách quan, góp phần định hướng cho việc nâng cao hiệu quả DHTH trong môn Ngữ văn. Các nghiên cứu tiếp theo cần tập trung đề xuất biện pháp nâng cao mức độ tích hợp, phát triển chương trình tập huấn và tài liệu giảng dạy phù hợp, kết hợp thêm phương pháp nghiên cứu định tính để phân tích sâu sự khác biệt giữa các nhóm trường, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp hơn với đặc điểm giáo dục đa dạng của TP. Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Đỗ Thị Trinh, Trần Việt Cường, Hoàng Văn Tài (2023). Một số biện pháp phát triển năng lực dạy học tích hợp cho sinh viên ngành Sư phạm Toán. *Tạp chí Giáo dục*, 23(4), 9-13.
- Đỗ Hương Trà (chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Trần Khánh Ngọc, Trần Trung Ninh, Trần Thị Thanh Thúy, Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015). *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*. NXB Đại học Sư phạm.
- Drake, S. M., & Reid, J. L. (2018). Integrated curriculum as an effective way to teach 21st century capabilities. *Asia Pacific Journal Of Educational Research*, 1(1), 31-50.
- Ngô Minh Oanh (2016a). *Giải pháp nâng cao năng lực dạy học tích hợp cho giáo viên trung học cơ sở các tỉnh khu vực Nam Bộ*. Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ, mã số B2014-19-10.
- Ngô Minh Oanh (2016b). Thực trạng năng lực dạy học tích hợp của giáo viên trung học cơ sở ở khu vực Nam Bộ. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 4(82), 13-21.
- Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo, Bùi Hiền (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.